

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

CÁC CHÚA NGUYỄN VÀ SỰ TRUYỀN BÁ CÔNG GIÁO TẠI ĐÀNG TRONG

VÕ PHƯƠNG LAN^(*)

Thế kỉ XVI-XVII, chủ nghĩa tư bản Phương Tây xâm nhập Á Đông song hành với công cuộc rao giảng Phúc Âm của nhà thờ Công giáo. Nước Đại Việt lần đầu tiên tiếp xúc với một tôn giáo đến từ Phương Tây, đạo Công giáo.

Bài viết này dựa vào một số nguồn tư liệu để trình bày về diễn biến giai đoạn đầu du nhập đạo Công giáo tại xứ Đàng Trong, vùng đất mới của lưu dân Việt. Đặc biệt qua đó cố gắng tìm hiểu thái độ ứng xử với Công giáo từ phía người cầm đầu chính quyền cát cứ nam Đại Việt, các chúa Nguyễn.

Công giáo thời chúa Sãi Phúc Nguyên (1613 - 1635)

Dưới thời chúa Nguyễn Hoàng, năm 1596, Linh mục Diego Aduarte, một giáo sĩ người Bồ Đào Nha dòng Đa Minh từ Philippin cập bến Đà Nẵng trên một chuyến tàu buôn Tây Ban Nha. Lúc này Nguyễn Hoàng đang ở bắc phò tá vua Lê dẹp dư đảng nhà Mạc còn Nguyễn Phúc Nguyên, con trai thứ sáu đang thay cha trấn thủ đất Thuận Quảng. Giáo sĩ Aduarte đã đến thăm quan Trấn thủ theo nghi thức ngoại giao. Nguyễn Phúc Nguyên tiếp đón đoàn nồng nhiệt, mời Aduarte ở lại, hứa ban nhiều đặc ân và sẽ

cho xây một nhà thờ. Vị giáo sĩ này xin cho về hỏi ý kiến bề trên dòng. Sau đó không may xảy ra xích mích giữa chính quyền và đoàn tàu Tây Ban Nha. Hai bên đánh nhau. Linh mục Aduarte may mắn thoát được về Manila. Cơ hội truyền giáo đầu tiên bị bỏ lỡ.

Năm 1614, Nhật Bản thi hành chính sách khủng bố Công giáo. Dòng Tên⁽¹⁾, dòng khai sinh và xây dựng giáo đoàn Nhật Bản bị trục xuất khỏi Nhật Bản. Các giáo sĩ chạy về Ma Cao. Tại đây họ nhận được những thông tin về xứ Đàng Trong. Trong khi chờ đợi tình hình thuận lợi hơn tại Nhật Bản, dòng Tên hướng công cuộc truyền giáo sang Đại Việt.

*. NCV, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Dòng Tên: Compagnie de Jésus, Society of Jesus, SJ, do thánh Ignatiô (Ignatius Loyola, 1491-1556) sáng lập năm 1540. Dòng Tên truyền giáo dưới sự bảo trợ của quốc vương Bồ Đào Nha trên danh nghĩa. Nhưng thực tế là dòng tu trực thuộc Giáo hoàng, các thừa sai dòng Tên không phải tuân phục bất cứ ai ngoài Đức Giáo hoàng, vị Tổng quyền và các bề trên của dòng. Đến nơi nào truyền giáo thì đó là quê hương, các thừa sai trước hết tuân phục vị lãnh đạo tối cao của quốc gia nơi mình truyền đạo, tôn trọng luật pháp và văn hoá của xứ sở ấy. Dòng Tên là dòng đi tiên phong và có nhiều thành công hơn bất cứ dòng truyền giáo nào trong công cuộc truyền giáo ở Nhật Bản, Trung Hoa, Việt Nam... Ma Cao là trụ sở chính của dòng tại Đông Á.

Theo giáo sử, công cuộc rao giảng Phúc Âm ở Đàng Trong chính thức bắt đầu vào đầu thế kỷ XVII với các giáo sĩ dòng Tên. Ngày 18-1-1615, thời chúa Sãi Phúc Nguyên, linh mục dòng Tên người Ý là Buzomi cầm đầu đoàn truyền giáo bốn người cập bến Cửa Hàn. Bảy giờ, cũng như Đàng Ngoài, Đàng Trong cho phép tàu buôn nước ngoài ra vào tự do buôn bán ở Hải Phố (Hội An) và Cửa Hàn. Tại Hội An đã có sẵn cộng đồng Công giáo của các thương gia người Nhật. Lễ Phục sinh năm 1615, giáo sĩ Buzomi đã rửa tội cho 10 tân tòng người Việt.

Từ Hải Phố, giáo sĩ Buzomi xin vào Quảng Nam. Cuối năm 1615 số giáo dân xứ Quảng đã lên tới 300 người. Các thừa sai dòng Tên tiếp tục mở đạo ở Quảng Nam, Phú Yên, phía bắc hoạt động ra đến Quảng Bình. Công cuộc truyền giáo bắt đầu một cách tốt đẹp. Bề trên dòng Tên ở Ma Cao gửi thêm giáo sĩ sang.

Cuối năm 1624 khi linh mục Giám tỉnh Gabriel de la Matto từ Ma Cao đến Đàng Trong thị sát cùng một đoàn bảy giáo sĩ dòng Tên thì đã có một cộng đồng giáo dân từ Cửa Hàn qua Hải Phố, Dinh Chiêm, Nước Mặn, Quy Nhơn. Giáo sĩ Đắc Lộ⁽²⁾ đã đến Đàng Trong dịp này. Các linh mục dòng Tên thực hiện phương châm truyền giáo của dòng: phục tùng nhà cầm quyền, học ngôn ngữ, sống hoà nhập, khoan dung với văn hoá bản địa. Công cuộc truyền giáo tiến triển thuận lợi, số giáo dân đều đặn tăng, trong đám tang linh mục Phanxico Pina⁽³⁾ tháng 12 năm 1625 tại Cửa Hàn, đã có hàng ngàn giáo dân về dự.

Chúa Sãi nghe tiếng giáo sĩ Buzomi, đặc biệt quan tâm và dành cho ông này nhiều cảm tình, cho phép dựng hai ngôi

thánh đường ở Hải Phố và Thanh Chiêm (Quảng Nam). Họ Nguyễn bấy giờ đang mưu toan ra mặt chống lại họ Trịnh ở Bắc Hà, muốn tìm một thế lực hỗ trợ mới từ Phương Tây nên khuyến khích ngoại thương, ưu đãi thương nhân ngoại quốc. Chúa Sãi nhờ các thừa sai làm trung gian mua thuốc súng và vũ khí Bồ Đào Nha nổi tiếng tinh xảo. Về phía các giáo sĩ, để lấy lòng, mỗi khi tiếp kiến thường dâng chúa Sãi và các quan quâ cấp là những món đồ quý giá, tinh xảo, những máy móc tân kỳ Phương Tây. Khi có dịp, các thừa sai thường đem những kiến thức mới lạ về toán học, cơ khí, thiên văn, v.v... ra trình bày, áp dụng khiến nhà chúa kính phục.

Lớp giáo dân tiên khởi ở Đàng Trong có trong mọi giai tầng xã hội. Các giáo sĩ dòng Tên cố gắng tiếp cận mọi thành phần từ dân nghèo, binh lính đến nhà Nho, quan lại, người trong hoàng tộc. Đặc biệt nhất là trường hợp bà Minh Đức Thái phi⁽⁴⁾, tòng giáo năm 1624, tên thánh là Maria Madalêna, giáo sĩ Phanxico de Pina rửa tội. Bà Minh Đức là một giáo dân nhiệt thành. Nhờ bà mà lôi kéo được một số người trong hoàng gia

2. Alexandre de Rhodes (1591 - 1660) gốc Do Thái, giáo sĩ dòng Tên, truyền giáo ở Đàng Trong (1624 - 1626; 1640 - 1645) và Đàng Ngoài (1627 - 1630) là tác giả của các sách: *Phép giảng tám ngày*; *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*; *Hành trình truyền giáo*; *Tự điển Việt La Bồ*, trong đó có phần *Văn phạm tiếng An Nam sơ giản*. Ông là một trong những người sáng tạo ra chữ Quốc ngữ. Đã có học giả nhận xét rằng: Alexandre de Rhodes lập nên một học thuyết truyền giáo đặt cơ sở trên một cơ tầng văn hoá bản địa.

3. Giáo sĩ Phanxico de Pina (1585-1625) là nhà ngôn ngữ, nói thông thạo tiếng Việt, hiểu Nho giáo, giỏi Hán Nôm, am tường phong tục bản xứ. Ông đến Cửa Hàn năm 1617 và cũng mất tại đây năm 1625.

4. Minh Đức Thái phi: người thiếp nhỏ nhất của Nguyễn Hoàng, sinh mẫu của Nguyễn Phúc Khê, con trai thứ 10 của Nguyễn Hoàng. Ông hoàng Khê là người thân tín của chúa Sãi, thế lực của ông rất lớn thời chúa Sãi Phúc Nguyên và chúa Thượng Phúc Lan.

theo đạo. Những năm bức đạo khó khăn, vắng bóng linh mục, bà là một chỗ dựa vững chắc cho giáo dân Huế. Tại triều đình nhiều quan lớn cũng có cảm tình với Công giáo: Khâm lý Trần Đức Hoà, con rể ông là Nội tán Đào Duy Từ có cảm tình với đạo, một số quan lớn đã tông giáo như cụ lớn Phaolô, cụ lớn Emmanuel⁽⁵⁾. Ngoài Hội An, trụ sở chính của dòng Tên, các giáo sĩ dần lập thêm những địa điểm khác như: Nước Mặn (Qui Nhơn), Cửa Hàn, ở Huế là tại tư gia bà Minh Đức vương Thái phi và tại nhà ông Jean de la Croix⁽⁶⁾ (ông già Câu Rút) ở phường Thợ Đức (đời chúa Hiền vương).

Nhưng những xung đột đầu tiên đã xuất hiện.

Năm 1617 vùng Thanh Chiêm bị hạn hán kéo dài nên mất mùa, lại gặp nạn dịch tễ. Dân tin lời đồn rằng vì các giáo sĩ đạo Hoa Lang⁽⁷⁾ đến truyền giáo nên trời đất thánh thần nổi giận quở phạt. Mặc dầu quan Trấn thủ Phúc Kỳ rất có cảm tình với các thừa sai, nhưng cũng đành phải ra lệnh trục xuất các giáo sĩ để yên lòng dân đang náo động về các tin đồn. Một số giáo sĩ phải ra đi, số còn lại phải hoạt động lén lút.

Sự ưu ái cũng không còn khi chúa Nguyễn chuẩn bị chiến tranh với họ Trịnh. Bấy giờ người ngoại quốc tự do ra vào Đàng Trong, Đàng Ngoài buôn bán. Cần phải đề phòng gián điệp vì thời chiến sắp tới. Hơn nữa chúa Sãi cũng bắt đầu lo ngại vì số dân theo đạo tăng nhanh và những biểu hiện lộ liễu trái với những tập tục cổ truyền. Năm 1625, lần đầu tiên ở Đàng Trong chúa Sãi ra lệnh cấm đạo với quy định gồm ba điều:

1. Tất cả các giáo sĩ phải tập trung về Hội An, không được ra khỏi khu phố

Nhật kiều, không được xây nhà thờ hoặc bất cứ nhà nào khác.

2. Không được lấy lí lẽ theo đạo Hoa Lang mà bỏ bê việc cúng tế lễ lạc trong làng (tế thành hoàng và tiên hiền).

3. Tín đồ đạo Hoa Lang không được đeo tràng hạt ở cổ tay hay treo ảnh trong nhà, phải tháo gỡ các ảnh Chúa Giêsu chuộc tội treo ở bên ngoài.

Nhưng lệnh chúa Sãi đưa ra chỉ là chiếu lệ. Lấy cớ đám tang linh mục Pina, “nghĩa tử là nghĩa tận”, các giáo sĩ nhân đấy mà xin nấn ná 100 ngày theo phong tục địa phương, kết quả lệnh tập trung về Hội An không được thi hành. Dù chúa Sãi đã cấm xây nhà thờ mới nhưng năm 1627, với sự tiếp tay của Thái phi và các quan có cảm tình với đạo, giáo sĩ Buzomi đã xây một nhà thờ mới.

Năm 1629, hạn hán, nạn châu chấu cắn phá mùa màng, người không ưa đạo cho là các giáo sĩ truyền đạo gây nên. Lại thêm tàu Bồ Đào Nha không cập bến đem hàng hoá đến. Chúa Sãi ra sắc dụ cấm đạo, trục xuất các giáo sĩ và triệt hạ các nhà thờ. Năm 1633, ông lại ra sắc dụ cấm đạo lần thứ ba. Lần này chúa quay sang chiến lược đánh vào giáo dân. Giáo dân bị hành hạ, các viên chức có đạo bị khai trừ khỏi phẩm hàm triều đình.

Sau đó chúa Sãi nhận thấy nếu cứ căng thẳng với các giáo sĩ thì bất lợi cho việc giao thương với Phương Tây nên năm 1634 lại cho phép các thừa sai đi lại

5. Các tài liệu Công giáo cho biết tên thánh của một số quan lại tông giáo, không biết họ tên thật và chức vụ cụ thể. Danh tính một số nhân vật lịch sử Công giáo người Việt cũng trong tình trạng như vậy.

6. Jean de la Croix: thợ đúc súng đại bác người Ấn Độ lai Bồ Đào Nha, vốn theo đạo Công giáo, làm việc cho các chúa Nguyễn, rất được hậu đãi.

7. Từ Hoa Lang bấy giờ dùng chỉ đạo Công giáo.

tự do và mời giáo sĩ Buzomi, trước đó đã ra khỏi nước, trở lại với giáo đoàn.

Chúa Sãi qua đời năm 1635. Nguyễn Phúc Lan lên ngôi chúa.

Công giáo thời chúa Thượng Phúc Lan (1635 - 1648)

Chúa Thượng lên ngôi, dời đô từ Phước Yên về Kim Long. Các thừa sai về kinh đô mừng chúa Thượng. Ban đầu ông cho Công giáo được tự do. Người Bồ Đào Nha vẫn tiếp tục buôn bán ở Cửa Hàn, Hội An và được trọng đãi hơn. Người Hà Lan, có mặt ở vùng Á Đông từ đầu thế kỉ XVII, bắt tay làm ăn với chúa Trịnh ở Bắc, chúa Nguyễn không tin cậy họ. Thực tế từ năm 1641 đến 1644, thủy quân của chúa Nguyễn đã hai lần đụng độ với các chiến thuyền Hà Lan. Năm 1638, chúa Thượng phái giáo sĩ Buzomi về Ma Cao lo công việc cho chúa. Trong khi giáo sĩ này vắng mặt, có lệnh trục xuất tất cả các giáo sĩ ra khỏi Đàng Trong, ai không tuân lệnh sẽ bị xử tử.

Tháng 2 năm 1640, sau ba năm truyền giáo ở Đàng Ngoài và 10 năm lưu lại Ma Cao, giáo sĩ Đắc Lộ đến Đàng Trong lần thứ hai giữa thời kì cấm đạo. Lúc này địa phận Nam Hà có chừng 50.000 giáo dân mà không có một vị linh mục nào. Từ năm 1640 đến 1645 Đắc Lộ ba lần đi lại giữa Ma Cao và Đàng Trong. Mỗi lần đến, giáo sĩ này lại tặng chúa Nguyễn những món quà quý giá và hối lộ cho cho ông Nghè Bộ để được ở lại Đàng Trong. Cuối năm 1642, giáo sĩ này đi Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên. Tại Phú Yên, ông ở lại trong dinh quan trấn thủ Nguyễn Phúc Vinh, là chồng công chúa Ngọc Liên⁽⁸⁾. Tại đây linh mục này đã rửa tội cho nhiều người trong đó có thầy giảng Anrê Phú Yên, tín đồ tử đạo đầu

tiên ở Đàng Trong. Năm 1642 giáo sĩ Đắc Lộ ra Kim Long yết kiến chúa Nguyễn. Ông này đã dâng lên chúa Nguyễn nhiều lễ vật và được lưu lại một thời gian để giảng về toán học. Khi từ giã, chúa cũng biếu quà cáp cho vị giáo sĩ này. Khi tàu Bồ Đào Nha ra đi, Đắc Lộ lạng lẽ ở lại. Ẩn trốn ở các vùng thôn quê, ông đi khắp Đàng Trong, từ Phú Yên đến sông Gianh, lo mở rộng và củng cố giáo đoàn.

Cuộc thủy chiến năm 1644, tàu Hà Lan bị thủy quân chúa Nguyễn đánh tan. Mừng vì thắng trận, chúa Thượng tỏ ra dễ dãi. Linh mục Đắc Lộ nhân dịp ấy ra sức truyền đạo trong giới thượng lưu. Ông quen thân với quan Thái sư (thầy dạy của chúa Thượng), ông này không theo đạo nhưng cho phép vợ con được rửa tội; một viên quan làm quản lí cho Tổng trấn Nguyễn Phúc Khê theo đạo lấy tên thánh là Gioan; một nhân sĩ đã 90 tuổi, rất có uy tín ở xứ Thuận Hoá thời ấy cũng đã được rửa tội. Có một quan Chuông vệ, nghe ông Gioan giảng đạo đã quyết định tông giáo. Nhưng lúc đó có cuộc tấn công hạm đội Hà Lan, ông này không chịu tham gia lễ cúng thần. Các tướng bất mãn trình lên chúa Thượng. Chúa gọi quan Chuông vệ đến khiển trách và truyền lệnh loại bỏ các tể toan Công giáo để giữ phép nước. Viên Chuông vệ sợ quá, bỏ ý định theo đạo⁽⁹⁾.

8. Tức Quận chúa Thanh, con gái lớn của chúa Sãi, chị chúa Thượng, cô của chúa Hiền, tên là Ngọc Liên, lấy Thanh Lộc hầu Nguyễn Phúc Vinh bấy giờ làm quan trấn thủ vùng Trấn Biên (thuộc Bình Định, Phú Yên), bà tông giáo khoảng năm 1636, tên thánh là Maria Madalena, giống như tên của Minh Đức thái phi. Chúa Sãi còn một người con gái nữa theo Công giáo tên là Ngọc Đình, chồng bà làm quan trấn thủ Quảng Bình.

9. Stanislas Nguyễn Văn Ngọc, Giuse Nguyễn Văn Hội. Lịch sử giáo phận Huế qua các triều đại 1596-1945, Huế 1993, tr. 25.

Nhận thấy Giáo hội Đàng Trong sắp gặp nhiều khó khăn, sẽ vắng bóng linh mục, cần phải có những người giúp đỡ giáo dân về mặt tinh thần. Giáo sĩ Đắc Lộ áp dụng kinh nghiệm mà ông đã thành công tại Đàng Ngoài là thành lập và huấn luyện đoàn thầy giảng, có hai bậc: bậc thứ nhất có tuyên khấn, chuẩn bị sau này thụ chức linh mục; bậc thứ hai ở ngoài đời, vẫn có vợ con. Ngày 31 tháng 3 năm 1643, 10 thầy giảng đầu tiên đã khấn hứa như một tu sĩ. Những người được kính trọng nhất được gọi là thầy giảng.

Bị bắt, trục xuất, trốn tránh nhiều lần, suốt mấy năm trời, linh mục Đắc Lộ đã đi lại khắp Đàng Trong làm mục vụ. Cuối cùng, vào tháng 5 năm 1645 ông bị tàu tuần tiễu của chúa Thượng bắt trên một con đò xuôi trên sông lớn Quảng Trị. Chúa Thượng ra lệnh áp giải linh mục về Kim Long. Bị tuyên án tử hình, nhưng nhờ một vị đại thần (quan Thái sư, thầy dạy của chúa Thượng) đứng ra can thiệp, bản án giảm xuống là trục xuất vĩnh viễn.

Ngày 3 tháng 7 năm 1645 linh mục Đắc Lộ vĩnh biệt xứ Nam.

Trong thời gian linh mục Đắc Lộ còn ở Đàng Trong đã xảy ra những vụ bức đạo đầu tiên: Ngày 26 tháng 7 năm 1644 thầy giảng Anrê Phú Yên bị giết tại Kẻ Chiêm trước sự chứng kiến của thừa sai Đắc Lộ⁽¹⁰⁾.

Thời gian giáo sĩ Đắc Lộ sắp ra đi, có một cuộc đón tiếp khá hi hữu. Cuộc đón tiếp này đã bộc lộ rất rõ thái độ của chúa Thượng Phúc Lan đối với người Phương Tây và đạo Công giáo: Tháng 2 năm 1645 có 4 nữ tu Tây Ban Nha và hai linh mục dòng Phanxico vì tàu gặp bão phải ghé lại Cửa Hàn, họ đến tạm trú tại trụ

sở dòng Tên tại Đà Nẵng. Nghe tin, thiên hạ hiếu kì đến coi rất đông, tiếng đồn lan đến Kim Long, chúa Thượng Phúc Lan cho long thuyền vào Cửa Hàn đón các nữ tu và hai linh mục dòng Phanxico cùng đoàn thủy thủ ra kinh, tiếp đón như thượng khách. Chúa mời khách xem đua thuyền và các kĩ mã đấu võ. Ngày sau chúa mời xem lễ tế tại Thái miếu trong dinh với khoảng 6000 quân lính y phục chỉnh tề. Sau đó được xem quân lính bắn bia, xem biểu diễn thủy chiến. Các nữ tu lưu lại kinh đô 10 ngày, gặp gỡ Minh Đức Thái phi, được nhà chúa tặng nhiều lễ vật. Các linh mục tranh thủ thời gian tiếp xúc với giáo dân làm mục vụ.

Chúa Thượng Phúc Lan ân cần đón tiếp các nữ tu và giáo sĩ vì ông muốn phô trương cho người Phương Tây biết rằng nước Nam là nước hùng cường và có văn hiến. Trước khi từ giả, phía khách đã trình diễn một màn múa kiếm của người Châu Âu rất ngoạn mục. Thấy sự lợi hại của họ, chúa Thượng Phúc Lan không những không vui mà còn cảm thấy lo sợ. Chúa giận dữ nói riêng với ông hoàng Khê: “Có lẽ khanh đã học được nhiều ngón tài năng của bọn ngoại quốc, bởi họ năng giao thiệp với gia đình khanh, vì mẹ khanh có đạo mà.” Nghe vậy ông hoàng Khê uất ức vì cái “đạo” của mẹ khiến lòng trung thành của ông bị nghi ngờ. Ông cho phá tan ngôi nhà nguyện của mẹ để chứng minh lòng trung với chúa Nguyễn. Điều này khiến bà Minh Đức vô cùng đau khổ. Bà khóc lóc, bỏ nhà đi 8 ngày liền. Chúa Thượng Phúc Lan cho phép bà giữ đạo, nhưng không được tập

10. Linh mục Đắc Lộ đã xin được thi hải Anrê Phú Yên, đem về an táng tại Ma Cao, thủ cấp mang về Rôma.

hợp giáo dân tại nhà như trước⁽¹¹⁾. Chính quyền chúa Nguyễn đã bắt đầu dự cảm được sức mạnh quân sự đáng ngại từ phía Tây Phương.

Sau khi giáo sĩ Đắc Lộ ra đi, dòng Tên phái hai giáo sĩ đến Đà Nẵng, mang nhiều ngọc trai và lễ vật quý giá ra kinh đô yết kiến chúa Nguyễn. Được tiếp đón nồng nhiệt, nhưng khi nói đến việc ở lại, chúa Thượng đổi giọng ngay. Sau khi thương thuyết, chúa Thượng nhận thấy rằng giáo sĩ Đắc Lộ thì đã ra đi không thể trở lại, còn giáo sĩ Saccano không biết tiếng Việt nên cũng không thể làm gì do vậy cho phép ở lại⁽¹²⁾.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự hiểu lầm giữa nhà chúa và đạo Công giáo. Ông Nghè Bộ Quảng Nam tố cáo với chúa Thượng là người Công giáo thờ một người bị đóng đinh trên cây thánh giá, một hình ảnh khiến người ta ghê sợ. Bà Minh Đức giữ tại nhà những di vật của những người Công giáo bị giết đầu tiên ở Huế, người cháu nội thấy trong phòng bà có mấy miếng vải thấm máu và bình nước thánh, nên phao đồn lên rằng “Nước thánh bên đạo là một thứ bùa ếm làm bằng chân tay trẻ em chặt ra”⁽¹³⁾. Thấy giáo dân cương quyết giữ đạo, không sợ chết nên có lời đồn đại: “Các đạo trưởng lấy xương người chết tán thành bột, hoà với nước, làm thuốc mê cho giáo dân uống. Những người này uống thuốc mê đó, khi bị tra tấn họ không sợ, ngay cả trước cái chết kinh hoàng nữa”. Có một sự kiện trùng hợp, khi linh mục Saccano ra Kim Long dâng lễ vật có mang theo một hộp đựng xương Thánh. Tưởng trong đó có ngọc quý, một viên quan yêu cầu mở cho xem. Chiều lòng, vị linh mục này mở cho xem: bên trong chỉ có vài mảnh xương vụn.

Viên quan còn thấy linh mục này mang theo trong mình hộp thuốc bột, thì cho ngay rằng đó là thứ thuốc mê của các đạo trưởng, bèn đưa chuyện trình lên chúa Nguyễn. Chúa tuyên bố sẽ trục xuất vị linh mục này và không cho các đạo trưởng vào nước để mê hoặc dân chúng⁽¹⁴⁾. Tuy nhiên, thực tế ứng xử của chúa Nguyễn lại mâu thuẫn: trong khi ghét đạo và đàn áp các thần dân theo đạo của mình thì ông lại muốn giữ mối giao thương có lợi với người Bồ Đào Nha và tránh cho họ giao thiệp với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Chúa Nguyễn hi vọng tàu buôn Bồ Đào Nha trở lại với hàng hoá và lễ vật quý giá. Không có lệnh trục xuất, nên công cuộc truyền giáo vẫn tiếp tục. Năm 1648, linh mục Saccano cùng một giáo sĩ dòng Tên nữa theo tàu của đại sứ người Bồ Đào Nha đến Huế. Đoàn đã được yết kiến chúa Nguyễn tại Kim Long.

Năm 1648, chúa Thượng băng hà. Bà Minh Đức cũng mất trong năm này.

Trước khi khảo sát thái độ ứng xử của chúa Hiền Phúc Tần đối với Công giáo, chúng tôi muốn đề cập đến những vấn đề trong nội bộ Công giáo trên bình diện quốc tế, đã đưa Công giáo Việt Nam tới một khúc quanh mới đầy thử thách, có

11. Stanislas Nguyễn Văn Ngọc, Giuse Nguyễn Văn Hội, Sđd., tr. 27. Cũng cần nói thêm về ông hoàng Khê: năm 1640, linh mục De Mattos dòng Tên đến Huế có gặp ông hoàng Khê và khuyên ông theo đạo. Ông hoàng tỏ ý bằng lòng và xin làm phép rửa tội một cách kín đáo. Linh mục De Mattos hỏi: “Nếu chúa Thượng biết mà hỏi: ông có đạo không, ông sẽ trả lời ra sao?” Ông hoàng Khê đáp: “Tôi sẽ nói tôi không có đạo”. Vì lý do đó linh mục De Mattos đã hoãn rửa tội cho ông và hai người cháu của ông.

12. Stanislas Nguyễn Văn Ngọc, Giuse Nguyễn Văn Hội, Sđd., tr. 30.

13. Stanislas Nguyễn Văn Ngọc, Giuse Nguyễn Văn Hội, Sđd., tr. 20.

14. Stanislas Nguyễn Văn Ngọc, Giuse Nguyễn Văn Hội, Sđd., tr. 30.

ảnh hưởng vô cùng sâu sắc tới Giáo hội Công giáo Việt Nam thời bấy giờ và hệ lụy cho đến tận sau này.

Sự thành lập hai giáo phận Đàng Ngoài và Đàng Trong

Giáo sĩ Đắc Lộ rời Đàng Trong năm 1645. Thế lực của Bồ Đào Nha đã suy giảm trên biển cũng như tại các xứ Châu Á. Sự bảo trợ của Bồ Đào Nha một thời đã là một chỗ dựa thì nay lại làm trở ngại công cuộc truyền giáo.

Năm 1649 khi trở lại La Mã, giáo sĩ Đắc Lộ đệ trình một kế hoạch truyền giáo lên Giáo hoàng và Bộ Truyền giáo xin Tòa Thánh cử giám mục cai quản các khu truyền giáo Việt Nam, ưu tiên đào tạo linh mục bản xứ. Giáo sĩ cũng muốn tìm một quốc gia Công giáo mạnh để bảo trợ cho công cuộc rao giảng tại Việt Nam (và cả Trung Hoa). Quốc gia mà giáo sĩ nhắm vào là Pháp, nơi mà Giáo hội Công giáo được triều đình Pháp ủng hộ đang ở vào thời hoàng kim, cũng là nước đang bành trướng đáng kể về giao thương trên biển.

Nhờ sự vận động của giáo sĩ Đắc Lộ mà ngày 9-9-1659, Giáo hoàng Alexandro VII công bố sắc lệnh thành lập hai giáo phận Đàng Ngoài và Đàng Trong phù hợp với tình hình phân chia lãnh thổ, lấy sông Gianh làm giới tuyến. Đặt Giám mục Pháp Lambert de la Motte làm đại diện tông toà Đàng Trong và Giám mục Francois Pallu làm đại diện tông toà Đàng Ngoài.

Cũng vào thời gian đó (1663) Hội thừa sai Paris (Société des mission étrangères de Paris, MEP) được chính thức thành lập theo công thư của vua Pháp Luis XVI nhằm đào tạo các giáo sĩ Pháp đi truyền giáo ở Viễn Đông. Được nhà nước và giai

cấp tư sản Pháp đỡ đầu, Hội vừa có mục đích truyền giảng Phúc Âm vừa có nhiệm vụ phát huy thế lực của nước Pháp ra vùng đất ngoại. Thế là về mặt truyền giáo, Pháp mặc nhiên thay thế vai trò của Bồ Đào Nha ở Á Đông. Trong khi các trung tâm Goa và Ma Cao của dòng Tên mất dần ưu thế theo đà suy yếu của Bồ Đào Nha thì kinh đô Thái Lan trở thành trung tâm quyền bính mới của Hội Thừa sai Paris. Các thừa sai Pháp (MEP), các dòng Phanxicô, Đa Minh, Âu Tinh và cả các thừa sai thuộc Bộ Truyền giáo của Tòa Thánh... lần lượt hiện diện ở Đàng Trong.

Từ đây nội bộ Công giáo Đàng Trong gặp nhiều rắc rối do bất đồng về quyền bính, về nghi lễ mục vụ, sự tranh chấp giáo dân và khu vực truyền giáo giữa các dòng với nhau, giữa các dòng và MEP. Sự chia rẽ càng sâu sắc thêm vì những mâu thuẫn trầm trọng trong cách nhìn nhận và ứng xử đối với văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng, tập tục bản địa giữa các thừa sai thuộc các cơ quan truyền giáo khác nhau (vấn đề Nghi lễ Trung Hoa). Các mâu thuẫn kéo dài từ ngày đầu thành lập giáo phận đến hơn 100 năm sau vẫn chưa giải quyết được.

Sự thực, cho đến hàng chục năm sau ngày thành lập giáo phận, Công giáo Đàng Trong vẫn hiện hữu trên cái nền do các giáo sĩ dòng Tên tạo dựng. Giáo dân vốn có tình cảm sâu đậm với các linh mục dòng Tên. Các thừa sai mới đến, chưa am hiểu phong tục, ngôn ngữ bản xứ, nhất là các giáo sĩ người Pháp cứng rắn, không thể có ngay được cảm tình của giáo dân.

Giáo phận thành lập vào thời kỳ cấm đạo gắt gao nên mãi đến năm 1671, Giám mục Lambert mới có thể kinh lý Đàng

Trong lần đầu tiên. Tại đây Giám mục triệu tập công đồng Hội An và đã tạo được sự hoà hoãn phần nào giữa các thừa sai Pháp và dòng Tên. Là người cởi mở và nhìn xa, Giám mục đã thực hiện những đề nghị của dòng Tên: mở rộng tổ chức thầy giảng, phong những linh mục người Việt đầu tiên, thiết lập chủng viện đào tạo hàng giáo sĩ người bản xứ tại Thái Lan, thành lập dòng nữ tu Mến Thánh Giá (MTG) Đà Nẵng. Nói cách khác, Việt hoá công cuộc truyền giáo. Những vị kế nhiệm Giám mục Lambert sau này cũng đi theo đường hướng ấy. Và trên thực tế, nếu khác đi thì Công giáo Đà Nẵng đã bị tiêu diệt.

Về phía các thừa sai, tuy có những bất đồng, nhưng dù là người của dòng hay triều, những giáo sĩ đầu tiên đều vô cùng tận tụy. Dù gian khổ đến đâu, thậm chí phải hi sinh đến tính mạng các giáo sĩ cũng không nề hà. Đối với tầng lớp trí thức địa phương, các giáo sĩ, nhất là thuộc dòng Tên, thường được kính trọng bởi kiến thức uyên bác và khả năng học hỏi. Các chúa Nguyễn cũng vì những tri thức mới lạ từ Phương Tây đã trưng dụng các giáo sĩ vào làm quan trong triều đình. Để giúp cho công cuộc truyền giáo, các giáo sĩ tận tụy hoàn thành nhiệm vụ của các chúa Nguyễn giao cho.

Vấn đề nghi lễ Trung Hoa

Nghi lễ Trung Hoa là vết thương lớn của Giáo hội Á Đông, cuộc tranh luận triền miên suốt thế kỉ XVII và nửa đầu thế kỉ XVIII đã làm sụp đổ công trình truyền giáo ở Trung Hoa, ảnh hưởng không ít đến Công giáo Việt Nam. Sự vụ khởi từ đầu năm 1635, khi hai dòng Đa Minh và Phanxicô bắt đầu truyền giáo ở Trung Hoa (sau dòng Tên gần nửa thế kỉ), kiện dòng Tên về vấn đề lễ nghi.

Nghi lễ truyền thống Trung Hoa bao gồm tế Giao, tế Xã Tắc, tế Khổng Tử và các tiên Nho, thờ cúng tổ tiên trong phạm vi gia đình, gia tộc. Các thừa sai dòng Tên cho rằng, các nghi lễ Trung Hoa này không đi ngược lại giáo lí Công giáo. Tế Giao thuộc về đạo thờ Trời (Thiên), ở đây các thừa sai dòng Tên tìm kiếm sự tương đồng giữa Thượng Đế và Thiên Chúa. Thờ cúng tổ tiên thuộc về Lễ và đạo Hiếu. Thờ Khổng Tử là sự kính nhớ một vị thầy mà người Trung Hoa tôn là “Vạn thế sư biểu”.

Do uyển chuyển để thích ứng, hiểu biết và hoà đồng vào văn hoá truyền thống Trung Hoa, tôn trọng việc Thờ cúng tổ tiên, thờ phụng Khổng Tử và không chống lại Đạo giáo, dòng Tên đã rất thành công ở Trung Hoa, nhưng cũng làm cho các dòng khác phần nộ, chống đối mạnh mẽ.

Các giáo sĩ dòng Đa Minh (nổi tiếng nghiêm khắc về vấn đề nghi lễ) và dòng Phanxicô, và sau này thêm Hội Thừa sai Paris (chống dòng Tên mạnh nhất) lại quan niệm khác, quyết đoán rằng: Thờ cúng tổ tiên là thờ “ma quỷ”, thờ Khổng Tử và các tiên Nho là thờ ngẫu tượng, thậm chí còn công khai cho rằng Trung Hoa là nước “vô đạo”, là “dị giáo”, Tam hoàng Ngũ đế và cả Khổng tử đều đáng sa hoả ngục, v.v... Sự vụ được đưa lên Toà Thánh La Mã. Cuộc tranh luận trải qua 15 đời giáo hoàng trong hai thế kỉ XVII, XVIII.

Đến năm 1704 thì dòng Tên thất bại. Cấm Nghi lễ Trung Hoa được đưa vào Tông hiến Toà Thánh La Mã năm 1704. Nội dung như sau:

1. Cấm dùng chữ Thiên hoặc Thượng Đế để chỉ Thiên Chúa.
2. Cấm treo trong Thánh đường tám hoành phi có ghi hai chữ Hán: Kính Thiên.

3. Cắm cúng tế Khổng Tử, thờ tổ tiên, ông bà, cha mẹ.

4. Cắm đặt bài vị trong nhà riêng.

5. Tông hiến buộc các giám mục cũng như linh mục bất cứ ở dòng tu nào đều phải vâng theo.

Năm 1773 dòng Tên bị giải tán⁽¹⁵⁾. Tại Việt Nam: từ năm 1680 Tòa Thánh đã có lệnh triệu hồi các giáo sĩ dòng Tên ra khỏi xứ Đàng Trong. Tuy nhiên dòng Tên vẫn hoạt động mãi cho đến năm 1783, là năm mà vị thừa sai dòng Tên cuối cùng mất tại Quảng Trị.

Cấm Nghi lễ Trung Hoa, cuộc đụng độ văn hoá Đông - Tây, giữa Thiên Chúa giáo và Nho giáo Trung Hoa, miệt thị truyền thống Trung Hoa đã xúc phạm nặng nề nền văn minh kiêu hãnh Hoa Hán, là sự thách thức đối với nhà nước phong kiến Nho giáo, khiến cho dân Trung Hoa ác cảm và xa lánh đạo Chúa, giáo dân bị tách khỏi văn hoá cội nguồn dân tộc. Những cuộc bách đạo dữ dội của triều đình Trung Hoa suốt từ cuối đời vua Khang Hy sang đời vua Ung Chính, Càn Long nhà Thanh, khiến cho Giáo hội Trung Hoa, công trình kiến tạo 200 năm, gần như sụp đổ hoàn toàn.

Riêng ở Đàng Trong, việc cấm nghi lễ bản địa và thờ cúng tổ tiên (các thừa sai dòng Tên Đàng Trong bấy giờ thấy rõ đó là sai lầm tai hại mà không làm thế nào được) khiến cho Công giáo không chỉ bị đẩy vào vị thế đối đầu với nhà cầm quyền mà giáo dân còn bị tách rời khỏi cộng đồng, bị xa lạ, ác cảm trong mắt của người dân bên lương (hầu hết là Phật tử).

Công giáo thời chúa Hiền Phúc Tần (1648 - 1687)

Chúa Hiền ở ngôi được 40 năm (1648 - 1687). Thời chúa Hiền cuộc chiến tranh Trịnh-Nguyễn lên đến đỉnh cao. Quân Nguyễn đã có lúc vượt sông Gianh chiếm được một phần đất Nghệ An (từ 1655 - 1660). Hai bên Trịnh-Nguyễn ở thế giằng co cho đến năm 1672 thì đình chiến, lấy sông Gianh làm biên giới, phân hai miền Nam-Bắc, không xâm phạm nhau trong hơn một thế kỉ sau đó. Tiến hành chiến tranh, chúa Nguyễn cần mua vũ khí Tây Phương. Vì vậy, tuy ghét đạo và cấm đạo đối với thần dân của mình, chúa Nguyễn vẫn phải xử tốt với các thừa sai, nhiều lần nhờ vả họ làm môi giới đi lại Áo Môn mua súng đạn. Nói chung, những năm đầu khi giao thương thuận lợi, chúa Nguyễn được cung cấp đầy đủ hàng hoá, súng đạn, và nhất là khi chúa thắng trận thì Công giáo tạm được yên ổn. Dòng Tên gửi các giáo sĩ sang, công cuộc truyền giáo tuy khó khăn nhưng vẫn tiếp tục.

Người Nhật vì tranh chấp buôn bán với người Bồ Đào Nha nên đã thông tin cho chúa Nguyễn về việc chính quyền Nhật Bản diệt đạo, trục xuất các thừa sai vì người Bồ Đào Nha có âm mưu xâm lăng nước Nhật. Chúa Nguyễn cho rằng nước Bồ Đào Nha và đạo Công giáo đều nguy hiểm, phải theo gương Nhật Bản cấm đạo. Hơn nữa mối giao thương với Nhật Bản cũng quan trọng nên chúa Nguyễn không thể làm méch lòng người Nhật.

Năm 1656, một giáo dân nổi tiếng là Phêrô Văn Nét bị chặt đầu. Khi bị hỏi: “Là bấy tôi của chúa sao ông không vâng lệnh chúa truyền?”, ông Nét đáp: “Trước hết tôi là bấy tôi của Chúa Cả Trời Đất.

15. Tuy nhiên đến năm 1814 dòng Tên lại được phục hồi và phát triển mạnh mẽ hơn trước.

Người là đáng có quyền trên hết. Tôi có bốn phen phải vâng mệnh Người trước đã. Rồi mới đến các chúa.” Một năm sau có thêm hai người lính theo Công giáo bị trảm quyết⁽¹⁶⁾.

Tuy nhiên, trước sự đe dọa của họ Trịnh Đàng Ngoài, chúa Nguyễn vì phải nhờ các giáo sĩ dòng Tên lo việc liên lạc với Ma Cao buộc tàu Bồ Đào Nha đưa vũ khí đến Đàng Trong nên tình hình Công giáo được tạm yên. Thời gian này Ma Cao gửi hai giáo sĩ đến Đàng Trong là linh mục Marquez và Rivas, cả hai đều thạo y học, được chúa Hiền cho phép chữa bệnh. Khi việc chữa trị cho các quan lớn trong triều đình có kết quả, chúa ban khen. Hai giáo sĩ này nhân việc chữa bệnh mà giảng đạo, dâng lễ. Có lần, chúa hỏi một bà vợ quan : “Ta nghe nói Tây Dương đạo trưởng đã tế lễ đạo Hoa Lang và làm nhiều nghi lễ khác ở nhà này phải không?” Nghe chúa hỏi, bà đã thú thật là vị đạo trưởng đã muốn tế lễ Ông Trời trước khi làm thuốc cho chồng bà. Hiền vương cười bảo: “Không sao cả, miễn là chồng bà được khoẻ mạnh”⁽¹⁷⁾.

Để thực hiện kế hoạch Bắc tiến, năm 1657 chúa Hiền sai linh mục Rivas, sau đó (1658) lại sai linh mục Marquez về Ma Cao liên hệ với người Bồ Đào Nha mua vũ khí và hàng hoá. Vì gặp bão nên các thuyền Bồ Đào Nha không đi Ma Cao được. Chúa tức giận ra lệnh giữ tàu Bồ Đào Nha và đe dọa: nếu Áo Môn không giúp gửi vũ khí đến, chúa sẽ ra lệnh tịch thu tàu bè, hàng hoá và người trên tàu sẽ bị đem chém. May sao lúc đó có thuyền Trung Quốc đi Hải Nam, linh mục Marquez nhờ thuyền trưởng đưa tin về Ma Cao. Không ngờ lời đe dọa của Hiền vương có kết quả: đầu năm 1659 tàu buôn Bồ Đào Nha về đến Hội An mang vũ

khí đến khiến chúa Nguyễn vui mừng, tiếp đón long trọng⁽¹⁸⁾. Công giáo được yên ổn từ năm 1656 đến 1661.

Năm 1661, Hiền Vương ra lệnh cấm đạo. Lễ Phục sinh năm 1663, nhà thờ Công giáo bị triệt hạ, các quan trấn được lệnh truy lùng các đạo trưởng.

Năm 1664, chúa Hiền ra lệnh tập trung các giáo sĩ giam tại Hội An. Tháng 2 năm 1665 các giáo sĩ bị trục xuất. Tuy nhiên, các thừa sai, cả người Bồ Đào Nha và MEP vẫn cố gắng bí mật đi về.

Đầu năm 1665, lệnh cấm đạo của chúa Hiền được thực hiện gắt gao hơn. Những người bị bắt không chịu nổi cực hình nên hầu hết phải chối đạo. Số ít giáo dân kiên quyết giữ đạo đều bị giết⁽¹⁹⁾.

Cuối năm 1665, tình hình hơi lắng dịu. Sau đó cũng có lẽ tể những vụ bắt đạo, nhưng không đến nỗi đổ máu, giáo dân chỉ bị bắt giam, mang gông vài ba hôm rồi được thả. Cuộc bức đạo thời chúa Hiền kéo dài cho đến tận năm 1676 mới chấm dứt.

Công giáo thời chúa Nghĩa Phúc Trấn (1687 - 1691)

Chúa Nghĩa Phúc Trấn là con thứ hai của chúa Hiền. Lên ngôi chúa lúc 39 tuổi, ông cho dời phủ sang Phú Xuân, lấy núi Ngự Bình làm hương án.

Đầu đời chúa Nghĩa, Công giáo được tạm yên. Giáo dân lánh nạn bức đạo thời

16. Phêro Văn Nết, người quản lí của bà Minh Đức, giáo sĩ Đắc Lộ rửa tội. Sau khi bà Minh Đức chết, ông là chỗ dựa của giáo dân, bị người phản bội tố cáo (Stanislas Nguyễn Văn Ngọc, Giuse Nguyễn Văn Hội, Sdd., tr. 35, 36).

17. Stanislas Nguyễn Văn Ngọc, Giuse Nguyễn Văn Hội. Sdd., tr. 34.

18. Stanislas Nguyễn Văn Ngọc, Giuse Nguyễn Văn Hội. Sdd., tr. 34, 35.

19. Stanislas Nguyễn Văn Ngọc, Giuse Nguyễn Văn Hội. Sdd., tr. 39, 40.

chúa Hiền dẫn trở về nhà làm ăn. Các họ đạo phát triển, nhiều nhà thờ mới được xây dựng, trong đó đẹp nhất là nhà thờ Phủ Cam do linh mục Langlois⁽²⁰⁾ xây dựng. Đặc biệt, ngoài một số nhân vật thuộc hoàng tộc, linh mục Langlois còn rửa tội cho một người con gái 11 tuổi của chúa Nghĩa khi cô bé bị đau nặng. Một điều trùng hợp là rửa tội xong, cô bé lành bệnh đã khiến Hoàng hậu cho bé được đến nhà thờ Phủ Cam học kinh, tham dự các thánh lễ, đặt tên thánh là Maria⁽²¹⁾.

Đầu năm 1688, một sứ đoàn Bồ Đào Nha đem theo ba linh mục dòng Tên đến Đà Nẵng, chúa Nghĩa Phúc Trấn sai đại thần vào đón tiếp. Đến Huế, được chúa Nghĩa cho tiếp kiến hai lần. Thời gian này có 4 linh mục người Việt được đào tạo từ Thái Lan về nước, bắt đầu hoạt động mục vụ.

Năm 1691 chúa Nghĩa ra lệnh cấm đạo. Nguyên nhân cấm đạo là: Năm 1687 Pháp đem quân đánh phá Băng Cốc bị thất bại. Năm sau 1688 nổ ra chính biến trong triều đình Thái Lan. Tất cả các sự kiện chính trị đó đều có sự tham gia tích cực của các thừa sai người Pháp. Triều đình Thái Lan ra lệnh bách đạo. Các giáo sĩ Pháp bị bắt tù khổ sai, giáo dân Thái Lan bị khủng bố, giáo đoàn Thái Lan non trẻ tan vỡ. Tin này truyền về Việt Nam khiến cho triều đình chúa Nguyễn lo sợ và đề phòng Công giáo. Tại kinh đô, các triều thần tâu lên chúa Nghĩa về một tình trạng nguy hiểm: dân tiếp tục theo đạo, thường hay tụ họp đông người, cũng như binh lính vẫn ngấm tông giáo, có nguy cơ sẽ dấy binh làm loạn, các đạo trưởng đang dụ dỗ giáo dân nội ứng cho người Tây Phương xâm chiếm lãnh thổ.

Mặt khác, tại kinh đô, người Công giáo không đặt bàn thờ tổ tiên, từ chối các lễ

cúng bái tại làng xã. Các nhà thờ bày ra hát bội (tuồng) làm nhiều trò khinh Thần Phật, không kiêng huý tên nhà chúa, dân đến xem rất đông. Đầu năm 1690, chúa Nghĩa ban hành sắc chỉ Chấn hưng Phong hoá nhằm loại trừ ảnh hưởng của Công giáo. Tháng giêng năm 1691, chúa Nghĩa ra sắc dụ cấm đạo trên toàn lãnh thổ Đàng Trong. Sắc chỉ viện dẫn Hoa Lang đạo truyền bá những điều dối trá, trái đạo lý và hạ lệnh cho quan quân theo đạo phải bỏ đạo, giáo dân phải chối đạo, tụ họp năm ba người sẽ bị bắt, lệnh triệt phá nhà thờ. Qua tháng 2, chúa băng hà. Việc cấm đạo tạm dừng.

Công giáo thời chúa Minh Phúc Chu (1691 - 1725)

Chúa Minh Phúc Chu lên ngôi khi 17 tuổi. Sau khi hết tang, chúa Minh xưng là Quốc chúa. Vẫn giữ niên hiệu nhà Lê và quốc hiệu Đại Việt. Chúa Minh giỏi Nho học, hâm mộ đạo Phật, từng mời Hoà thượng Thạch Liêm dòng Tào Động nam Trung Hoa sang Đàng Trong hoàng hoá (1695-1696), quy y với Hoà thượng và được nhận là truyền nhân đời thứ 30 của dòng thiền Tào Động. Chúa Minh cho trùng tu chùa Thiên Mụ tráng lệ, cúng dường rất nhiều cho Phật giáo. Rất sùng bái Khang Hy. Theo lời khuyên của Thạch Liêm, Phúc Chu từng cho người sang Trung Hoa xin được nội thuộc nhà Thanh.

20. Linh mục Phêrô Langlois (MEP) là giáo sư tại Chung viện Juthia, biết nghề thuốc, thông thạo tiếng Việt, viết sách Việt. Năm 1680 được cử đến làm linh mục Chính ở Huế (và sống ở đây cho tới lúc chết năm 1700). Linh mục quen thân nhiều người trong hoàng tộc, trong đó có con trai thứ hai của chúa Hiền là hoàng tử Phúc Trấn và đã hai lần chữa bệnh cho hoàng tử (tức chúa Nghĩa sau này). Linh mục đã lập họ đạo Phủ Cam, cho xây dựng nhà thương chữa bệnh miễn phí cho dân nghèo.

21. Stanislas Nguyễn Văn Ngọc, Giuse Nguyễn Văn Hội. Sđd., tr. 75.

Chúa Minh không ưa Công giáo, nhưng cho đến đầu năm 1698 vẫn chưa ra sắc lệnh cấm đạo nào. Tháng tư năm 1698, nhân có người tố cáo giáo dân phá đình chùa, đập tượng Phật, Minh vương hạ lệnh phá các nhà thờ, cấm giáo dân tụ họp. Nhà thờ của Linh mục Langlois cũng bị binh lính xông vào phá phách. Vì giáo sĩ giữ chức Thái y trong triều nên chúa Minh cho phép ông được giữ căn nhà riêng, giữ đạo riêng, tiếp tục hành nghề y nhưng không được phép tập trung giáo dân, thuyết giảng. Phúc Chu cũng cho quân đến phá nhà thờ của dòng Tên do giáo sĩ Juan de Arnedo (ông là nhà toán học và cũng là quan Thái y của triều đình) xây dựng. Hơn 200 nhà thờ trong giáo phận bị san phẳng trong đó có ngôi thánh đường rất đẹp do Giám mục Perez xây gần Hải Phố. Tại họ đạo Thợ Đúc, một linh mục dòng Tên cho diễn kịch kể lại vụ cấm đạo ngày trước. Việc đến tai Phúc Chu, và những người diễn đã bị chặt ngón tay và cạo trọc đầu, một số khác bị tù⁽²²⁾.

Năm 1698 Huế bị thiên tai liên tiếp: cuồng phong, ngập lụt, sau đó là mất mùa, dịch trâu bò. Người ta đổ tội cho Công giáo. Tháng 8 năm 1699, Phúc Chu ra chiếu chỉ: “Tra xét bắt bỏ đạo Hoa Lang. Phàm người đất ta hễ ai theo đạo này thì nhà bị phá, sách bị đốt, những người Tây Dương trú ngụ từ Thuận Quảng trở vào đều bị trục xuất”⁽²³⁾.

Năm 1700, Minh vương lại ra lệnh cấm đạo. Lệnh cấm đạo lan đến nam Đàng Trong. Nguyên là từ thời chúa Hiền cấm đạo, đã có giáo dân chạy trốn xuống phía nam, đặc biệt từ năm 1698, khi Chuông cơ Nguyễn Hữu Cảnh kinh lý đất Đông Phố, giáo dân dân từ Thuận Quảng

trốn chạy theo các đợt di dân của Lễ Thành hầu. Giáo sĩ E. Quintin, dòng Tên là người đầu tiên đi theo giáo dân vào vùng Đông Phố, Sài Gòn. Sau dòng Tên là dòng Phanxicô tiếp tục công cuộc mở đạo ở Nam Bộ.

Sách *Đại Nam thực lục tiền biên* ghi: Kỷ Mão (1699) ... tháng 10 ... sai Gia Định tra bắt người theo đạo Hoa Lang. Phàm người Tây Phương đến ở lần đều đuổi về nước⁽²⁴⁾. Đây là dòng ngăn ngừa duy nhất về đạo Công giáo có được trong bộ chính sử Nguyễn từ đời chúa Tiên đến đời Võ vương. Nhưng một dòng thôi cũng có thể biết được cuộc bách đạo dưới thời Minh vương gây chấn động đến mức độ nào, đến nỗi các sử gia Nho giáo Quốc sử quán triều Nguyễn vốn cố ý bỏ qua những sự kiện Công giáo thời họ Nguyễn mở đất cũng không thể không nhắc đến.

Năm 1714 -1715 lại một đợt bắt bỏ mới. Cuộc bức đạo lan đến nam Đàng Trong. Năm 1724 chúa Minh lại ra lệnh cấm đạo, nhưng lần này lệnh không còn được thực thi nghiêm ngặt nữa.

Khắp cả Đàng Trong trải bốn đời chúa Nguyễn chỉ riêng có Hà Tiên của Mạc Thiên Tứ không thi hành lệnh cấm đạo, giáo sĩ và giáo dân chạy đến đất ấy đều được được che chở. Đầu thế kỉ XVIII, Hà Tiên trở thành chiếc nôi của Công giáo Nam Hà.

Thời gian đầy sóng gió này, nội bộ giáo phận Đàng Trong lại bị phân hoá. Ngoài các tranh chấp về quyền bính, giáo dân, cơ sở tôn giáo có từ ngày đầu thành lập giáo phận là sự khác biệt về quan điểm đối với các phong tục tập quán địa phương. Các

22. Stanislas Nguyễn Văn Ngọc, Giuse Nguyễn Văn Hội. Sđd., tr. 90.

23. Ngô Cao Lãng. *Lịch Triều Tạp Ký*, tr. 158.

24. *Đại Nam thực lục tiền biên*, Quốc sử Quán triều Nguyễn, tập I, tr. 154.

giáo sĩ Pháp chủ trương quyết liệt cấm các lễ nghi mang màu sắc bản địa, như rước kiệu, chiêng trống, cờ ngũ hành, v.v... Buộc giáo phận thay đổi cả tang lễ và tang chế, các giáo sĩ Pháp còn muốn tây hoá cả hôn lễ, tang lễ. Tranh chấp không ngã ngũ. Toà Thánh phải ra sắc lệnh *ex illa die* ngày 19 tháng 3 năm 1715 cấm ngặt giáo sĩ cũng như giáo dân thi hành hoặc dễ dãi với những nghi lễ bên lương mà trước đây họ đã cho phép. Đầu năm 1716, sắc lệnh về đến Việt Nam đương lúc cấm đạo căng thẳng. Giám mục Perez⁽²⁵⁾ lo sợ, mãi đến cuối năm 1717 ông mới gửi cho các địa hạt bản dịch sắc lệnh này.

Thời chúa Minh, lãnh thổ mở rộng đến vùng đồng bằng sông Cửu Long, binh hùng tướng mạnh, bảo hộ Campuchia. Thế lực của Bồ Đào Nha trên biển đã suy yếu, không còn quan hệ nhiều với Đàng Trong, hơn nữa từ sau khi đình chiến với họ Trịnh ở Đàng Ngoài (1672), nhu cầu mua vũ khí Phương Tây của chính quyền không còn bức thiết nữa nên các giáo sĩ không còn được coi trọng như trước. Quan hệ buôn bán với Phương Tây giảm thiểu, ngoại thương dần lọt vào tay người Hoa. Chúa Minh thân phục nhà Thanh Trung Hoa, sùng mộ đạo Phật. Trong khi đó Công giáo lại công khai bài bác Phật giáo. Ngay cả dòng Tên hội nhập như vậy mà trong kinh sách (sách *Phép giảng tám ngày*) vẫn cho “Bụt Thần” là dị đoan. Các giáo sĩ Pháp, Đa Minh, Phanxico lại càng không hiểu biết Phật giáo, chỉ nhìn tôn giáo này từ góc độ tín ngưỡng tạp thần trong dân gian.

Sự kém hiểu biết và những sai lầm nghiêm trọng của các thừa sai Phương Tây đối với Phật giáo ở Trung Hoa và Việt Nam đã đẩy khối dân Phật giáo rất

đông về phía đối nghịch với Công giáo, tạo nên một mối ác cảm tiềm ẩn. Sự bài bác Phật giáo của các thừa sai không tạo nên những hậu quả tức thời đẫm máu, bởi Phật giáo Việt Nam và Trung Hoa không ở vị thế cầm quyền và tôn giáo này vốn đề cao lòng từ bi hoà hiếu. Tuy nhiên, đối với các nhà cầm quyền sùng mộ Phật giáo (như chúa Minh) thái độ đó của các thừa sai đã tạo nên tai họa cho công cuộc truyền giáo của họ.

Mặt khác yếu tố Hoa Hán và ảnh hưởng sâu đậm của nó đã bén rễ từ đời chúa Hiền. Kinh nghiệm bức đạo Kitô của nhà Thanh ở vùng Lương Quảng và Phúc Kiến đã được Triều đình chúa Nguyễn áp dụng triệt để ở Đàng Trong. Hoa Lang đạo bấy giờ dưới mắt nhà chúa là đạo của người Tây Phương đã bị Nhật Bản tuyệt diệt và đang bị nhà Thanh truy lùng tiêu diệt.

Thời chúa Minh Phúc Chu cuộc bức đạo gắt gao hơn. Công cuộc truyền giáo ngưng hẳn hơn 20 năm.

Đến thời Ninh vương Phúc Trú (1725-1738), do vị chúa này thích kĩ thuật Phương Tây, có ý muốn canh tân đất nước, các giáo sĩ dòng Tên đều được trưng dụng làm quan trong phủ chúa. Ninh vương cho đặt đồng hồ ở các trấn, dinh lũy và các cơ quan ở kinh đô, trình độ kĩ thuật Đàng Trong thời Ninh vương đã đạt tới đỉnh cao. Nhưng những thành tựu này lại về số không khi Vũ vương lên ngôi, ra lệnh bắt đạo, trục xuất các giáo sĩ.

Công giáo thời Vũ vương Phúc Khoát (1738-1765)

Nguyễn Phúc Khoát lên ngôi năm 25 tuổi. Năm 1744 chúa xưng vương, đức ấn

25. Linh mục Phanxico Perez là Giám mục tông toà địa phận Đàng Trong từ 1691 đến 1725.

Quốc vương, Từ đường gọi là Tông miếu, lập các Bộ, Chính dinh Phú Xuân gọi là Đô thành được xây cất tráng lệ. Phúc Khoát tin lời sấm “Tám đời trở lại Trung đô” nên cho thay đổi y phục, phong tục theo như nhà Thanh ở Trung Quốc. Ngoại thương nằm trong tay Hoa kiều, các thiền sư Trung Hoa nhiều vị được phong Tăng quan. Triều đình chúa Nguyễn ngày càng chịu ảnh hưởng nhà Thanh nhiều hơn.

Những năm đầu ở ngôi, Vũ vương ham mê khoa học kỹ thuật Tây Phương. Năm 1740 một số linh mục thuộc dòng Tên đã đến Đàng Trong, được chúa kính trọng mà mời làm quan ở Khâm thiên giám, dạy toán học và làm quan Thái y trong triều. Nhờ các giáo sĩ làm quan nên giáo phận được nhờ rất nhiều, nhất là các họ đạo ở Thuận Hoá và Quảng Nam. Thời gian bình yên khá dài, giáo phận phát triển trở lại, chương trình đào tạo linh mục bản xứ được tái lập với chủng viện Thợ Đức tại Phú Xuân (1740-1750), dòng nữ tu Mến Thánh Giá (MTG) phát triển, Huế có tu viện tại phường Thợ Đức. Thời gian này cả địa phận Đàng Trong có chừng 300 nhà thờ, số giáo dân có thể lên tới 70.000 người. Phúc Khoát cũng có chút cảm tình với đạo: bằng chứng cứ đến dịp Noel, ông ra lệnh làm một hang đá (máng cỏ) ngay trong triều, với đầy đủ trang trí, đèn đuốc thấp lộng lẫy để cho các hoàng tử và con cái của vua quan trong triều được thưởng thức kèm theo những trò giải trí. Đồng thời ở ngoài thành các gia đình Công giáo cũng được phép thấp đèn đuốc sáng chói như ngày đại lễ. Tuần Thánh và các lễ lớn Công giáo cũng vậy, Vũ vương cho các quan trong triều đến tham dự, các cha dòng Tên chủ toạ⁽²⁶⁾. Trong số các bà phi của Vũ vương có bà Chiêu Nghi theo đạo Công giáo.

Về phía Giáo hội, nội bộ giáo phận tiếp tục tranh chấp. Năm 1738 Khâm sai Toà Thánh được cử vào Đàng Trong để dàn xếp và phân chia khu vực truyền giáo. Các mâu thuẫn về phương thức mục vụ, về thái độ đối với vấn đề nghi lễ càng trầm trọng. Để giải quyết tình trạng đó, năm 1743, công đồng Thợ Đức được triệu tập do đặc sứ Toà Thánh chủ toạ, nhưng cũng không giải quyết được gì. Thế lực của MEP lớn mạnh cùng với thế lực chính trị và cuộc bành trướng thuộc địa của nước Pháp đứng phía sau hội này. Do thế lực Pháp nên ba vị giám mục đại diện tông toà giáo phận Đàng Trong kế tiếp nhau thời Vũ vương đều là người của MEP. Tuy nhiên, trên thực tế các linh mục người Pháp là thiểu số, không được giáo dân ưa thích nên chưa gây dựng được gì nhiều, chỉ còn sự hoạt động tích cực của dòng Tên và dòng Phanxicô. Dòng Phanxicô là dòng có nhiều công lao mở rộng Giáo hội theo cuộc di dân xuống phía nam.

Năm 1750 Vũ vương đột ngột ban hành lệnh cấm đạo, quản thúc các giáo sĩ, 28 giáo sĩ bị bắt. Lệnh này được giữ kín, ngay linh mục Kofler làm Ngự y bên cạnh chúa cũng không hay biết, chỉ còn mình vị linh mục này là được tự do. Trong đợt cấm đạo này, hơn 200 nhà thờ bị phá hoặc bị trưng dụng. Chủng viện Thợ Đức bị bao vây, các chủng sinh bị bắt, tài sản Giáo hội bị tịch thu. Riêng chỉ có tu viện Mến Thánh giá phường Thợ Đức là không bị phá phách nhờ công tác từ thiện bác ái của các nữ tu đối với dân nghèo trước đó.

Tháng 10 năm 1753, Vũ vương lại cấm đạo và cho quân đến nhà thờ phường Thợ Đức bắt trời đức Giám mục Bemetat, lệnh

26. Stanislas Nguyễn Văn Ngọc, Giuse Nguyễn Văn Hội. *Sđđ.*, tr. 133.

cho trục xuất. Võ vương truyền đặt ảnh chuộc tội ở Quảng Trị, Quảng Bình, bắt giáo dân bước qua, đa số vì sợ hãi phải đập ảnh chối đạo.

Về nguyên nhân cấm đạo dưới thời các chúa Nguyễn tại Đàng Trong

Tuỳ từng thời kì, các lệnh cấm đạo được ban hành từ những tình thế, nguyên nhân cụ thể rất khác nhau. Tuy nhiên căn nguyên sâu xa khiến các chúa Nguyễn, từ Phúc Nguyên đến Phúc Khoát đều cấm đạo, chính là sự lo ngại sự xâm hại từ phía Công giáo về mặt tư tưởng. Ở những mức độ khác nhau, các chúa Nguyễn đều nhận thấy Công giáo làm phương hại đến đạo Trung quân của Nho giáo, là giá trị tinh thần làm cơ sở cho uy quyền tối thượng của nhà chúa.

Như đã trình bày ở phần trên, chúa Hiền Phúc Tần từng ra lệnh chém đầu một người Công giáo tên là Phaolô Văn Nết sau khi người này tuyên bố rằng trước hết ông ta là tín đồ của Đức Chúa Trời, sau mới là thần dân của chúa Nguyễn. Các giá trị tinh thần cổ truyền khác bên cạnh Nho giáo chính thống vốn tạo nên sự hài hoà bền vững của xã hội cổ truyền cũng bị đe dọa: giáo dân tha thiết quá mức với đạo mới, không còn coi trọng các tập tục cổ truyền, từ chối tham gia việc cúng tế ở làng xã, báng bổ Thần Phật, bỏ bàn thờ và cúng giỗ tổ tiên.

Việt Nam là một nước có vị trí giao lưu, người Việt có tâm thức mở. Trước khi Công giáo du nhập, chưa một triết lí, tôn giáo, tín ngưỡng hay chủ thuyết nào yêu cầu ở tín đồ một đức tin tuyệt đối. Dân Đại Việt, ngoại trừ nghĩa vụ trung thành với nhà vua và sống theo tinh thần đạo đức Nho giáo ra, trong lĩnh vực tín ngưỡng hoàn toàn tự do lựa chọn. Dù trên

biên diện xã hội hay tâm thức cá nhân Trời, Phật, các vị thần, linh hồn tổ tiên hay thậm chí cả hồn cây, hồn đá hoặc các hồn ma vô chủ, v.v... đều có chỗ mà không hề loại trừ nhau với những lễ nghi, tập tục rất mực phong phú.

Đạo Công giáo lại hoàn toàn không như vậy: Giáo hội đòi hỏi ở các con chiên đức tin tuyệt đối vào Đức Chúa Trời, phủ nhận mọi tín ngưỡng khác với nó.

Một nguyên nhân quan trọng khác là dự cảm thường trực của nhà cầm quyền về nguy cơ xâm lược từ phía biển mà thời bấy giờ luôn gắn liền với sự thâm nhập của đạo Công giáo. Cần nói rõ rằng, những tiếp xúc đầu tiên với Tây Phương của Đại Việt là với người Bồ Đào Nha, sau đó là người Hà Lan. Thực tế các giáo sĩ dòng Tên có trợ giúp các thương nhân Bồ Đào Nha đẩy mạnh công cuộc thương mại, nhưng về nguyên tắc dòng Tên tránh dính dáng đến chính trị. Tình trạng tranh chấp lãnh thổ khiến các chúa Trịnh, Nguyễn đều mong muốn tăng cường sức mạnh từ những hoạt động ngoại thương, thu nhận kiến thức và kĩ thuật quân sự tiến bộ Phương Tây, nhờ môi giới mua hàng hoá, vũ khí. Các chúa Trịnh, Nguyễn đều tuý từng thời kì có chính sách cho một số thừa sai ngoại quốc làm quan, lo việc chữa bệnh, xem thiên văn, dạy học, v.v... trong triều đình. Những công việc mà các giáo sĩ phục vụ triều đình đều rất hữu ích cho công cuộc truyền giáo.

Với tinh thần hội nhập và tương đối khoan dung nên tuy gặp khó khăn, dòng Tên đã đặt được những nền móng đầu tiên khá vững vàng. Tuy nhiên tình hình trở nên phức tạp và khó hoá giải được từ khi có thêm MEP và các dòng truyền giáo khác với những tiêu chí, tinh thần truyền giáo khác nhau. Điển hình là MEP: Hội

này vừa có nhiệm vụ truyền giáo vừa có nhiệm vụ phát huy thế lực của nhà nước Pháp ra vùng đất ngoại bằng mọi phương tiện có thể. Mục tiêu có tính hai mặt của MEP khiến các thừa sai Pháp đã có những động thái can thiệp chính trị làm cho mỗi nghi ngờ vốn đã ám ảnh các chúa Nguyễn về dã tâm xâm lăng của người Tây Phương càng thêm nghiêm trọng. Chắc chắn, ngoài những tin tức về các cuộc cấm đạo quyết liệt tại Nhật Bản và Trung Quốc, các chúa Nguyễn đã có được những thông tin: Thực dân Anh đã làm chủ bán đảo Ấn Độ, Hà Lan chiếm Indonesia, Tây Ban Nha đang đô hộ quần đảo Philippine và ngay kề bên là sự kiện quân Pháp tấn công Bạng Cốc và vụ đảo chính tại triều đình Thái Lan mà các thừa sai người Pháp đã tích cực nhúng tay vào.

Việc cấm đạo, ngoài những nguyên nhân mang tính quan phương nói trên còn có những sức ép khác mà người ta gọi là “xung đột văn hoá”, đó là phản ứng từ phía các thế lực tinh thần truyền thống trước sự độc tôn cứng rắn của Công giáo: ngoài tư tưởng chính thống Nho giáo cảm thấy bị xúc phạm, còn có mối ác cảm từ phía Phật giáo, Đạo giáo và vô số những thần linh nổi giận. Chúng ta không lạ

mỗi khi có thiên tai, dịch họa thì dư luận dân chúng lại xôn xao buộc tội cho cho việc rao giảng đạo Công giáo khiến Trời, Đất, thần linh nổi giận. Việc giáo dân bỏ thờ cúng ông bà, một tín ngưỡng rất lâu đời và thân thiết, rất khó được chấp nhận trong xã hội Đại Việt bấy giờ. Những cuộc tụ tập đông người của giáo dân, các bí tích, nghi lễ lạ mắt của đạo mới bị thù ghét thành những hành vi ghê sợ đến gây phản cảm, tạo nên những hiểu lầm tai hại khiến Công giáo bị mất uy tín và bị xa lánh. Các chúa Nguyễn cảm thấy có nghĩa vụ phải loại trừ Công giáo như mối nguy cơ phá hoại sự bình ổn xã hội.

Cuối đời Võ vương Phúc Khoát, ở Đàng Trong xã hội ngày càng bất ổn. Khi Võ vương mất, cuộc khủng hoảng bắt đầu, tiếp theo là những biến động chính trị: nạn quyền thần trong triều đình, cuộc nổi dậy của phong trào Tây Sơn, cuộc Nam tiến của chúa Trịnh, chính quyền chúa Nguyễn tan rã, triều đình chạy về nam và hầu như bị Tây Sơn tiêu diệt. Hậu duệ duy nhất sống sót của dòng họ Nguyễn phải đào vong hơn hai chục năm. Đây cũng là thời điểm Công giáo bắt đầu đóng một vai trò mới trong công cuộc phục quốc của Gia Long Nguyễn Ánh./.